**TÀI LIỆU HD MÔN NGỮ VĂN**

**(thời gian nghỉ dịch)**

**TUẦN:: LỚP: 10**

**BÀI:**

**TRAO DUYÊN**

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

***I. Tiểu dẫn:***

Vị trí đoạn trích:

- Thuộc phần 2 của tác phẩm: Gia biến và lưu lạc.

- Từ câu 723- 756/ 3254 câu lục bát.

***II. Đọc- hiểu văn bản:***

***1. Đọc.***

***2. Bố cục:***3 phần.

+ P1: 12 câu đầu ⭢ Thúy Kiều tìm cách thuyết phục, trao duyên cho Thúy Vân.

+ P2: 14 câu tiếp ⭢ Thúy Kiều trao kỉ vật cho em và dặn dò em.

+ P3: 8 câu còn lại ⭢ Tâm trạng đau đớn, tuyệt vọng của Thúy Kiều.

***2. Tìm hiểu văn bản:***

***a. 12 câu đầu:***

***\* 2 câu đầu:*** hoàn cảnh đặc biệt khác thường.

- *Cậy* ⭢ nhờ (cậy- thanh trắc⭢ âm điệu nặng nề gợi sự quằn quại, đau đớn, khó nói; nhờ- thanh bằng).

⭢ hàm ý hi vọng tha thiết của một lời trăng trối, có ý tựa nương, gửi gắm, vật nài, tin tưởng nơi quan hệ ruột thịt. Nàng dùng từ này vì việc nàng cậy nhờ vừa đột ngột vừa rất quan trọng với cả hai người.

- *Chịu* ⭢ nhận (tự nguyện).

⭢ nài ép, bắt buộc, không nhận không được.

- *Lạy* ⭢ thái độ kính cẩn với người bề trên hoặc với người mình hàm ơn.

- *Thưa* ⭢ thái độ kính cẩn, trang trọng

🢣 ***Hoàn cảnh đặc biệt khác thường***: Kiều là người phiền lụy, mang ơn chính người em gái ruột của mình.

***\* 10 câu tiếp:***

- *Tương tư:* tình yêu nam nữ; “gánh tương tư”⭢ người xưa xem tình yêu là một gánh nghĩa vụ, gánh nặng, chữ tình đi liền với chữ nghĩa, giữa những người yêu nhau có mối duyên tiền định, sẵn có từ kiếp trước.

Câu 3⭢ sự dang dở, tình yêu tan vỡ.

- *Mối tơ thừa* - mối tình duyên Kim - Kiều

⭢ cách nói nhún mình.

⭢ trân trọng với Vân vì nàng hiểu sự thiệt thòi của em.

- *Mặc em* ⭢ phó mặc, ủy thác ⭢ vừa có ý mong muốn vừa có ý ép buộc Thúy Vân phải nhận lời.

🢣 Câu 3- 4: Thúy Kiều mong muốn, ép buộc Thúy Vân thay mình nối duyên cùng Kim Trọng.

- Câu 5 ⭢ 8: kể lại vắn tắt câu chuyện tình yêu của Kiều- Kim.

- Câu 9 ⭢12: lời thuyết phục Thúy Vân của Kiều

+ *Ngày xuân* ⭢ phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ ⭢ tuổi trẻ.

⭢ ***Lí do thứ nhất***: Thúy Vân còn trẻ.

+ *Tình máu mủ*⭢ tình cảm chị em ruột thịt.

+ *Lời nước non* ⭢ lời nguyện ước trong tình yêu.

⭢ ***Lí do thứ hai***: Viện đến tình cảm chị em ruột thịt, Kiều mong Vân thay mình trả nghĩa với chàng Kim.

+ Thành ngữ *“thịt nát xương mòn”, “ngậm cười chín suối”* ⭢ chỉ cái chết.

⭢ ***Lí do thứ ba***: Được vậy thì Kiều có chết cũng được mãn nguyện, thơm lây vì em đã giúp mình sống trọn nghĩa với chàng Kim.

***🢣 Phẩm chất của Thúy Kiều***:

+ Sắc sảo khôn ngoan.

+ Luôn nghĩ đến người khác hơn cả bản thân mình ⭢ đức hi sinh, lòng vị tha.

***b. 14 câu tiếp:***

***\* Câu 13 - 14:***

- Thúy Kiều trao kỉ vật tình yêu cho Thúy Vân:

chiếc vành, bức tờ mây.

⭢ Với người ngoài cuộc: ko có giá trị vật chất đáng kể.

⭢ Với Thúy Kiều: quý giá, gợi tình cảm sâu nặng, lời thề ước thiêng liêng của Kim- Kiều.

- *Của chung* ⭢ của Kim, Kiều.

⭢ nay còn là của Vân.

⭢ tiếc nuối, đau đớn.

⭢ Kiều chỉ có thể trao duyên (nghĩa) nhưng tình ko thể trao ⭢ ko thanh thản ⭢ nghĩ đến cái chết.

- *Của tin*: phím đàn, mảnh hương nguyền ⭢ những vật gắn bó, gợi tình yêu Kim- Kiều.

Trao kỉ vật cho em, lí trí Kiều bảo phải trao nhưng tình cảm thì muốn níu giữ. Biết bao giằng xé trong hai chữ “của chung” ấy

***\* Câu 15-24:***

- Cảnh sum họp của Kim Trọng - Thúy Vân 🢖🢔 Linh hồn cô độc, bất hạnh của Thúy Kiều.

⭢ tình yêu thủy chung, mãnh liệt.

⭢ ý thức ngày càng rõ hơn về bi kịch của Thúy Kiều.

- *Ngày xưa* ⭢ thời gian quá khứ xa xôi⭢ thời gian tâm lí, chia cuộc đời Kiều làm hai mảng đối lập:

Quá khứ 🢖🢔 Hiện tại

hạnh phúc, tươi chia li, tan vỡ đột ngột,

đẹp, rực rỡ. thảm khốc.

⭢ Quá khứ đã trở thành ảo ảnh vô cùng xa xôi.

- Hàng loạt những từ nói về cái chết: *hồn, nát thân bồ liễu, dạ đài, thác oan* ⭢ nỗi đau đớn tuyệt vọng và dự cảm tương lai bất hạnh của Kiều.

***c. 8 câu cuối:***

- ý thức về hiện tại: *Bây giờ*

+ Trâm gãy bình tan.

+ Phận bạc như vôi.

+ Nước chảy, hoa trôi.

⭢ Những thành ngữ chỉ sự tan vỡ, dở dang, bạc bẽo, trôi nổi của tình duyên và số phận con người.

- Hàng loạt các câu cảm thán:

⭢ tình yêu mãnh liệt 🢖🢔 sự chia biệt vĩnh viễn.

⭢ nỗi đau đớn, tuyệt vọng đến mê sảng.

- “Người mệnh bạc”(phần trên) ⭢ người phụ bạc.

- “Lạy” (lạy tình quân) ⭢ tạ lỗi.

⭢ vĩnh biệt.

- Hai lần gọi tên Kim Trọng⭢ tức tưởi, nghẹn ngào, đau đớn đến mê sảng.

⭢ Kiều quên đi nỗi đau của mình mà nghĩ nhiều đến người khác ⭢ đức hi sinh cao quý.

***III. tổng kết:***Ghi nhớ (sgk).

**Bài tập** : Phân tích tâm trạng Thúy Kiều qua đoạn trích trao duyên.

**CHÍ KHÍ ANH HÙNG**

**(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)**

**I. Tìm hiểu chung.**

**1. Vị trí:**

- Từ câu 2213 - 2230

-Bị đẩy vào lầu xanh lần thứ hai, Kiều gặp Từ Hải, hai người tâm đầu ý hợp. Từ đã bỏ tiền chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh. “Nửa năm hương lửa đương nồng”, Từ Hải nghe theo tiếng gọi của sự nghiệp, chàng dứt áo ra đi. Đoạn trích này bắt đầu từ đó. Đây là đoạn Nguyễn Du sáng tạo ra (từ câu 2213 đến câu 2230 trong “Truyện Kiều”)

**2. Bố cục:**

- Chia làm 3 đoạn:

+ Đ1: Cảnh chia tay của TK – TH sau nửa năm chung sống.

+ Đ2: 12: Tính cách và chí khí của TH.

+ Đ3: Hai câu cuối: TH rứt áo ra đi.

- Đoạn trích thể hiện chí khí anh hùng của Từ Hải qua lí tưởng và lời chia tay với Thuý Kiều.

**II. Đọc - hiểu.**

**1. Cảnh chia tay của TK TH sau nửa năm chung sống.**

- Bốn câu đầu đoạn trích:

*Nửa năm hương lửa đang nồng....*

*Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong*.

+ Đang sống trong ân ái của tình cảm vợ chồng “*hương lửa đang nồng*”. Từ Hải không phải là con người đam mê mà là con người sống có lí tưởng, lí tưởng của Từ Hải là được tự do, vẫy vùng giữa trời cao đất rộng không chịu một sự trói buộc nào.

+ Từ Hải vốn là con người.

“*Chọc trời khuấy nước mặc dầu*

*Dọc ngang nào biết trên đầu có ai*”

-> Lí tưởng ấy làm cho Từ sống có chí khí. Mặc dù Từ Hải cũng là con người đa tình khi gặp Kiều: “*Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa*. Nhưng trước hết Từ là một tráng sĩ có chí khí mạnh mẽ.

“*Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương*”

*+ Động lòng bốn phương*” là thấy trong lòng sôi nổi, náo nức hướng tới trời cao đất rộng, tới cuộc sống tự do, chí khí trung thành ở bốn phương trời.

+ Từ Hải của tất cả mọi người, không của riêng ai, không gian: “*Trời bể mênh mang*”

-> Hình ảnh thật hoành tráng phù hợp với lí tưởng và hành động của Từ Hải “*thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong*”. Con người ấy đã nói là làm, đã nói là đi, đã đi là tới. Đó là rõ mặt phi thường, hơn hẳn cái bình thường, hơn người khác.

- Chi tiết này có ý nghĩa: Đây là cuộc tiễn biệt của Kiều với người anh hùng khác hẳn những người như Kim Trọng: *Khách đà lên ngựa người còn trông theo*” – cuộc chia tay của lứa đôi nam thanh nữ tú mới gặp nhau lần đầu.

Với Thúc Sinh:

*Người lên ngựa kẻ chia bào*

thể hiện bịn rịn lắm.

Trong trường hợp Từ Hải, chàng đã ở thế sẵn sàng lên đường ngồi trên lưng ngựa mà tạm biệt Kiều.

**2. Tính cách và chí khí của TH**

- Một con người có chí khí phi thường.

+ Không đắm mình trong chốn buồng khuê

+ Sống trong hạnh phúc ngọt ngào, phút chốc Từ Hải đã *động lòng bốn phương*

+ Tiếng gọi của sự nghiệp thức tỉnh từ bên trong, đối với chàng giờ đây sự nghiệp là trên hết.

+ Chàng không một chút bịn rịn trong lời tiễn biệt. Đặc biệt chàng còn trách Thuý Kiều: “*Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình.* Phải chăng chàng muốn khuyên người tri kỉ hãy vượt lên tình cảm thông thường để làm vợ một anh hùng.

- Từ Hải còn là một con người rất tự tin.

+ Mới ra đi, Từ đã khẳng định:

*Đành lòng chờ đó ít lâu*

*Chầy chăng là một năm sau vội gì*

Chàng tự tin vào mình, không quá một năm sau sẽ thực hiện được cơ đồ to lớn. Đó là khát vọng. Chàng không hề giấu giếm: “*Bao giờ .... nghi gia”*

Trong “Truyện Kiều”. Từ Hải đã làm được điều đó.

- Khuynh hướng lí tưởng hoá nhân vật.

+ Hai tiếng *trượng phu* không để chỉ người đàn ông bình thường mà chỉ những người có chí khí lớn.

+ Thoắt đã động lòng chỉ quyết định rứt khoát, mạnh mẽ.

+ Động lòng bốn phương. Cụ Hoài Thanh có lời bình rất hay: “*Không phải là người một nhà, một họ, một xóm, một làng mà là người của trời đất, của bốn phương*.

**3. Từ Hải dứt áo ra đi.**

- “*Trời bể mênh mang*” thể hiện cái nhìn của chí khí lớn lao. Con người ấy hướng tới, vẫy vùng nơi trời cao đất rộng, không chịu trói mình trong cuộc sống tù túng chật hẹp.

- “*Dứt áo ra đi*” ? không chút bịn rịn, chủ động lắm

- “*Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi*” ? con chim bằng khi đã cất cánh thì như đám mây ngang trời.

Tất cả thể hiện cách miêu tả theo khuynh hướng lí tưởng hoá Từ Hải của Nguyễn Du

**Bài tập:** Học sinh tìm hiểu hình tượng người anh hùng văn học trung đại có nét gì khác so với hình tượng người anh hùng ngày nay.